

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 348 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4- 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bình
2. Bà Trần Thị Phôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 503/2025/TB-TLVA ngày 10 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hương G ; sinh ngày: 29/11/1981; Căn cước công dân số: 052181012037; Ngày cấp: 21/01/2023; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi thường trú: 55/14 Trần Huy Liệu, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T , sinh ngày: 15/10/1978; Căn cước công dân/CMND số: 211637472; Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định; Nơi thường trú: 55/14 Trần Huy Liệu, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Hương G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 15/5/2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T** để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thành Đ, sinh ngày 13/12/2006 và Nguyễn Trần Giang C , sinh ngày: 25/11/2011. Hiện các cháu đang ở với vợ chồng sức khoẻ bình thường. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần Giang C sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Đ đã thành niên nên chị không yêu cầu toà giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T : Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự nhưng **anh T** không chấp hành triệu tập của Tòa, không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Hương G** được ly hôn anh **Nguyễn Văn T** ; Giao cháu Nguyễn Trần Giang C , sinh ngày: 25/11/2011 cho chị **Trần Thị Hương G** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Chị **Trần Thị Hương G** phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Tranh chấp phát sinh giữa chị **Trần Thị Hương G** và anh **Nguyễn Văn T** là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn anh **Nguyễn Văn T** cư trú tại: 55/14 Trần Huy Liệu, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị **Trần Thị Hương G** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Nguyễn Văn T** đã được tòa triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh **T** vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh **Nguyễn Văn T** theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Trần Thị Hương G** và anh **Nguyễn Văn T** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2006 ngày 15/5/2006. Quan hệ hôn nhân giữa chị **G** và anh **T** là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ. Chị **G** cho rằng vợ chồng không còn chung sống từ năm 2022 cho đến nay, không hòa giải đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án nhiều lần mời anh **T** đến Tòa làm việc nhưng anh **T** không có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị **G**. Xét thấy, hôn nhân giữa chị **Trần Thị Hương G** và anh **Nguyễn Văn T** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị **G** được ly hôn với anh **T** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thành Đ, sinh ngày 13/12/2006 và Nguyễn Trần Giang Châu, sinh ngày: 25/11/2011. Hiện con chung sức khỏe các cháu bình thường. Chị **G** có nguyện vọng được nuôi cháu **C** sau ly hôn. Xét thấy, chị **G** có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để bảo đảm sự phát triển bình thường cho cháu **C**. Cháu **C** có nguyện vọng được ở với chị sau khi ba mẹ ly hôn. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị **Gi** về việc trực tiếp nuôi cháu **C** sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị **G** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị **Trần Thị Hương G** phải chịu theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai phát biểu về nội dung giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và các điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51,56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Trần Thị Hương G** được ly hôn anh **Nguyễn Văn T**

2. Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Trần Giang C , sinh ngày: 25/11/2011 cho chị **Trần Thị Hương G** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST: Chị **Trần Thị Hương G** phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0006343 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thị Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phối – Nguyễn Tấn Bình

Cao Thị Phương Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2026
Tại: trụ sở TAND khu vực 1 - Gia Lai
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ
2. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 357/2025/TB-TLVA ngày 23 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Bình; sinh ngày: 03/3/1990; Căn cước công dân số: 040190014837; Ngày cấp: 06/11/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Tổ 59, khu phố 7, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn Đoán, sinh ngày: 21/6/1991; Căn cước công dân/CMND số: 215175302; Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Tổ 59, khu phố 7, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Về căn cứ pháp luật :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và các điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; (Biểu quyết 3/3- 100%)

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Bình được ly hôn anh Lê Văn Đoán. (Biểu quyết 3/3- 100%)

2. Về con chung:

+ Giao cháu Lê Quốc Bảo, sinh ngày 25/4/2016 và cháu Lê Quốc Trường, sinh ngày: 06/3/2021 cho chị Lê Thị Bình trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. (Biểu quyết 3/3- 100%)

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết. (Biểu quyết 3/3-100%)

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)

4. Án phí HNGĐ-ST: Chị **Lê Thị Bình** phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004131 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (Biểu quyết 3/3- 100%)

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên

tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật. (Biểu quyết 3/3- 100%)

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2026

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Thọ Nguyễn Cảnh Liêm

Cao Thị Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cảnh Liêm – Nguyễn Đình Thọ

Cao Thị Phương Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Tại: trụ sở TAND TP. Quy Nhơn, Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2. Ông Nguyễn Hoàng Long

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:85/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Phương, sinh năm: 1969

Cư trú tại: thôn Hải Nam,xã Nhơn Hải,TP.Quy Nhơn, Bình Định.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thanh, sinh năm: 1968
Cư trú tại: thôn Hải Nam,xã Nhơn Hải,, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

+ Về căn cứ pháp luật :

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a,khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

(Biểu quyết 3/3- 100%)

+ Về nội dung :

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Phương được ly hôn anh Nguyễn Văn Thanh. (Biểu quyết 3/3- 100%)

2- Về con chung: 03 con chung Nguyễn Văn Tiền, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Đô,sinh năm 1990; Nguyễn Văn Thống, sinh năm 1992. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)

3- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. (Biểu quyết 3/3- 100%)

4- Án phí HNGĐ-ST: Chị Phạm Thị Phương phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003557 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn, Bình Định. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Hợp Nguyễn Hoàng Long

Cao Thị Phương Thảo

